

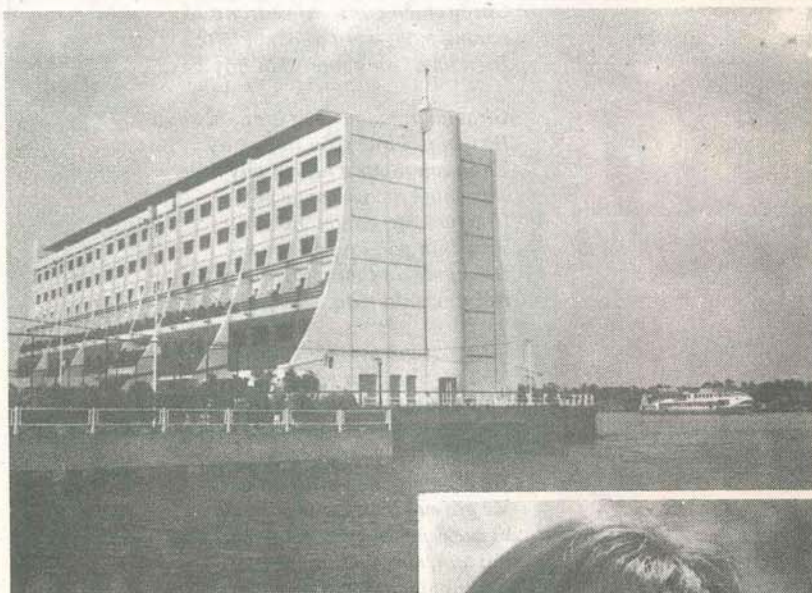
ĐỂ XÂY DỰNG MỘT MÙA XUÂN KINH TẾ PHỒN THỊNH

GÓP Ý VỀ MỘT CHIẾN LƯỢC KINH TẾ VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP KINH TẾ CHO CÁC NĂM 1992 - 1995

LÊ KHIOA (Tiến sĩ kinh tế)

Theo báo cáo của HDBT về tình hình 1991 (SGGP 12.12.91) thu nhập quốc dân năm 1991 tăng 2,4%, so với 1990; ương thực đạt 21,7 triệu tấn, xuất khẩu gạo một triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu 1,8 tỷ USD, sản lượng công nghiệp tăng 5,3%, trong đó công nghiệp trung ương tăng 6%.

Các kết quả này, so với các nước Tây Thái Bình Dương (trong đó nhiều nước đạt mức tăng TNQD hàng năm khoảng 5-9%, đặc biệt có nước hơn tỉ lệ trên), là còn thấp. Tuy nhiên, nếu lưu ý rằng năm 1991 VN mất thị trường Đông Âu, Liên Xô khoảng một tỉ rúp/năm, lượng viện trợ cho vay choáng một tỉ rúp, bị thiên tai như lũ lụt Sơn La, mất mùa Đông Xuân miền Bắc trên một triệu tấn thóc. Lũ lụt ĐBSCL, rầy rãu quanh năm, thì so với Sài Gòn các năm 1972 - 1973 - 1974 (khi Mỹ rút quân và giảm viện trợ theo thực giá, kinh tế Sài Gòn xuống dốc nặng trong các năm 1973 - 1974, cuối 1975) ta trải lại vừa duy trì được sự ổn định vừa tăng TNQD 2,4%, như vậy tình hình kinh tế 1991 đặc biệt có nhiều điểm đáng được khích lệ. Sự khích lệ trên càng rõ nếu so sánh 6 tháng cuối năm 1991 tốt hơn sáu tháng đầu năm 1991, như xuất khẩu đạt khoảng 11 tỷ USD trong khi 6 tháng đầu chỉ đạt 750 triệu USD và 69 triệu rúp. Xuất hiện các yếu tố mới: như sự bùng phát các công nghiệp nặng, như thép, vỏ ruột xe hơi, phân đạm..., các ngành sản xuất hàng tiêu thụ cao cấp, nhằm vào tiêu thụ trong nước và cả phần nào xuất khẩu (như điện tử có khả năng lắp ráp hơn 1 triệu máy thu hình), xe gắn máy, tiến đến việc lập Công ty liên doanh lắp ráp, sản xuất các loại xe ô-tô tại VN... Về phần điều hành kinh tế, năm 1991 cũng thấy có những yếu tố mới, như chánh quyền, nhân dân, và báo chí đặc biệt chú ý tới những vấn đề môi trường: tăng thu giảm chi cho ngân sách, ngân sách phải tiến đến thăng bằng, tăng đầu tư (sử dụng cả đầu tư chính quyền, đầu tư ngoại quốc, đầu tư tư nhân VN - khơi dậy nguồn đầu tư tư nhân), tăng cường các biện pháp quản lý vĩ mô và vi mô, trong đó đặc biệt vấn đề các công ty quốc doanh lỏng được chú trọng và tìm biện pháp giải quyết. Cải tổ ngân hàng: dùng séc, thương phiếu, tổ chức bù trừ nợ qua ngân hàng bằng séc và thương phiếu. Cải tổ tăng cường bộ máy quản lý nhà nước, giảm biên chế và sử dụng chất xám cao. Mua ngoại tệ với giá cao, đánh thuế trên hàng nhập (kể cả máy, nguyên liệu và hàng tiêu dùng, những hàng nào trong nước sản xuất được



thì đánh thuế cao hơn, máy thuế thấp hơn nguyên liệu, nguyên liệu thuế thấp hơn hàng tiêu dùng...). Tóm lại, năm 1991 cũng là năm mà khoa học kinh tế và các nhà kinh tế có đóng góp nhiều hơn trước và kinh tế học bước đầu được ứng dụng tại Việt Nam.

Trong chiều hướng trên đây, do việc HDBT đánh giá các năm 1992 - 1995 là thời điểm rất quan trọng cho đất nước (phải chăng là giai đoạn cất cánh của kinh tế Việt Nam, vươn mình lên thành con rồng Công nghiệp ở Đông Nam Á), tôi xin góp một số ý kiến để thực hiện sự cất cánh trên đây, tạo một mùa xuân kinh tế phồn vinh và vĩnh cửu cho Việt Nam:

1. Trước hết nên có một chương trình và dự án phát triển hợp lý những ngành trong năm 1991 đã bộc lộ khả năng cho lợi nhuận cao và hiệu quả kinh tế bước đầu: Dự án số 1 là Thép Sắt từ điện, than và quặng nội địa (ít ra phải có 5 - 6 triệu tấn sắt vào năm 1995) công nghiệp chế tạo các máy: xương sống của nền kinh tế và điều kiện tiên quyết để VN trở nên độc lập về kinh tế. Toàn bộ các điều kiện để hoàn thành mục tiêu này đều có tại Việt Nam, như điện Hòa Bình, Phả Lại dư thừa, quặng sắt tại chỗ, than (giá rất rẻ, nhân công giá rẻ), đội ngũ công nhân kỹ thuật có trình độ, các nhà máy biến thế, sành sứ cách điện, dây cáp điện... Sắt thép Việt Nam vừa tốt về chất lượng, vừa rẻ hơn giá quốc tế nhiều... Các máy làm tại Việt Nam,



giá thành chỉ bằng 1/3 đến 1/5 so với ngoại quốc, thời gian giao hàng cũng ngắn hơn nhiều; chất lượng, nếu giao chức giao quyền cho người có chất xám cao, mua bằng sáng chế của ngoại quốc, dùng một số vật tư nhập, cũng có thể so sánh với ngoại quốc. Như vậy hoàn toàn có khả năng tạo ra một công nghiệp Sắt Thép và

BÀI THƠ VẦN RẦY

Gửi MỘNG TUYẾT

Người chị dưới mái trắng non

NGUYỄN BÌNH

Nhớ ngày tôi vào chơi Hà Tiên
Chiều chiều cùng chị về trong rẫy
Đường mòn, bóng nhạt soi tà tà
Biển khơi, sóng mặn thổi hây hây;

Giàu thừa, rau muống lóc màu xanh
Bờ vắng, chim cuồn tiếng gáy
Thân cau thương nhớ ai gầy mòn
Tay chuối đợi chờ ai ve vầy
Hoa tươi gặp gió tha hồ rung
Trái chín gần tay, quờ ra hái
Đời người đã thong thả thể ru
Đời người đã sung sướng đến vậy.

Vườn cây gió thổi lộng muôn cành
Nhà cô, trăng soi vàng nửa mái
Thềm trăng trải chiếu ngồi song song
Bàn chuyện Tam quốc cười thổng khoái
Khương Duy mặt to như trượng già
Mã Siêu mặt đẹp như con gái
Mê gái của thành giết bố nuôi
Vì nước qua thuyền giành chúa đại
Xót anh, may áo tang ba ngày
Nhớ nghĩa, đường cùng tha giặc chạy
Vận trời thế đất đang chông chênh
Chia ba chân vạc cho vững chãi
Ai ngờ ông trời làm trò đùa
Cả ba chân vạc đua nhau gầy.

Dần dần nói đến chuyện nhân duyên
Chị có cô cháu tuổi mười bảy (1)
Tóc dài chấm gót má hồng tươi
Mi vòng cánh cung mắt đen láy.
Chị ơi! Trôi nơi là thân tôi
Cánh bướm bạt gió trôi hồ hai,
Than ôi! không có giá liên thành
Đê đôi cho tròn viên Ngọc ấy
Xứ người lần lữa gót phiêu linh
Quê cũ cha anh hết trống cây
Tám thân bảy thước chứa ngang tàng
Khỏi lửa bốn trời đã bốc dậy
Con thuyền dầu lạc hương phương nào
Vẫn nhớ ai người nơi tuyệt tái.

Chừng nào mới lại vào Hà Tiên
Chiều chiều cùng chị về trong rẫy.
Chắc chẳng bao giờ nữa - chị ơi!
"Hoa lưu động khắp ừng trường tại" (2)
KHÁ THỦY SƠN NHÂN (3)
1945

Chú thích

(1) Cô cháu gái tên là Tú Ngọc

(2) Bông hoa dùng ở cửa động nên đẹp mãi (thơ Đường)

(3) Khả Thủy, hai chữ ghép lại thành chữ HÁ. Sơn Nhân, hai chữ ghép lại thành chữ TIÊN.

cơ khí sản xuất các máy có quy mô vài triệu tới 5-6 triệu tấn vào năm 1995. Nếu như việc này hoàn thành được, thì coi như việc cất cánh của nền kinh tế Việt Nam đã có tiền đề, và trong các năm kế tiếp kinh tế Việt Nam sẽ phát triển trên cơ sở tư duy và tự tài trợ do đã có cái "xương sống của nền kinh tế đang phát triển" là công nghiệp nặng và cơ khí.

Đặc biệt nên lưu ý đến việc sử dụng khí đồng hành, lọc dầu và hoá dầu tại Việt Nam. Nên lưu ý rằng những nước XUẤT DAU THIỂU không phải là những nước công nghiệp và việc sản xuất dầu thô có nhiều rủi ro, đòi hỏi nhiều vốn rất lớn (hàng nhiều chục tỉ USD trở lên) và không sinh lợi nhiều, trong khi việc chế biến dầu và khí chỉ đòi hỏi vốn ít, mau ăn và có tỷ lệ lợi nhuận rất cao. Singapore, Đài Loan, Nam Triều Tiên, Nhật, là những nước không có hay có rất ít dầu thô nhưng là những nước công nghiệp, vì họ tập trung trong khâu nhập dầu và hoá dầu. Các nước sản xuất dầu Cận Đông không phải là những xứ công nghiệp, nhưng Singapore, Đài Loan, Nam Triều Tiên, Nhật là những xứ công nghiệp có nền kinh tế, tài chính và xuất khẩu phồn thịnh. Việt Nam có thể có ưu thế hơn các nước Cận Đông, cũng như có những ưu thế hơn Nhật Bản, Nam Triều Tiên, Singapore, Đài Loan, khi ký giao kèo chia sản phẩm với ngoại quốc trong việc khai thác dầu thô nhưng tập trung vốn và đầu tư mạnh trong công nghiệp hoá dầu. Bước đầu xí nghiệp mini lọc dầu đã phát huy hiệu quả kinh tế với 40.000 tấn sản phẩm lọc dầu. Tuy sản lượng không là bao so với số nhu cầu của Việt Nam (khoảng 3 triệu tấn sản phẩm về dầu phải nhập hàng năm), nhưng nhà máy chỉ đòi hỏi vốn ít, dễ làm dễ thiết kế, và điều quan trọng là thời gian thiết lập nhà máy nhanh và đáp ứng ngay những nhu cầu hiện nay về khan hiếm ngoại tệ, xăng dầu, nhựa đường rất cấp bách trong xứ. HDDBT có lưu ý tới (trong bản báo cáo tình hình kinh tế năm 1991 dẫn trên) việc thiết lập các nhà máy vừa và nhỏ tại Việt Nam, có thể làm nhanh, vốn ít, phát huy hiệu quả nhanh, dễ điều khiển không vấp vào những tắc nghẽn như những nhà máy quá lớn trong điều kiện khả năng tài chính, vận tải, tiêu thụ Việt Nam (như nhà máy Hòa Bình, Bim Sơn). Đây là một chiều hướng mới rất đáng lưu tâm và trong năm 1992-1993... nên thiết lập nhanh một số nhà máy mini lọc dầu, hoá dầu... Thí dụ như khí đồng hành, hiện nay các nhà máy đóng tàu Việt Nam đang thiếu đơn đặt hàng, nếu nhà nước giao cho các nhà máy này đóng những chiếc tàu có trang bị máy hoá lỏng khí (tàu mẹ neo cố định tại đàn khoan) và những tàu con có khả năng chở khí về cảng Sài Gòn, nơi ấy đã có cảng chứa khí hoá lỏng và nhà máy làm các chai chứa khí, thì việc sử dụng khí đồng hành đã được tiến hành tại Việt Nam.

Như chúng tôi đã trình bày trên báo

PHÁT TRIỂN KINH TẾ

phát triển Kinh tế (số 14), việc sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp (Tivi màu, xe Honda, v.v...) vừa nhằm vào mục đích xuất khẩu vừa vào mục đích tiêu thụ trong nước là phương pháp hữu hiệu nhất giải quyết mâu thuẫn giữa Tích lũy và Tiêu dùng. Năm 1991 ngành điện tử VN đã có khả năng ráp trên 1 triệu TV màu từ các linh kiện rời nhập của ngoại quốc, ráp gần 1000 xe gắn máy v.v... Năm 1992 cần tiến thêm bước nối tiếp, như sản xuất những linh kiện điện tử từ VN, sản xuất lấy những bộ phận rời xe gắn máy tại VN, tiến đến việc lắp ráp ô-tô du lịch, máy điều hoà không khí v.v...

Kế hoạch liên doanh (hay tự mình sản xuất lấy) với ngoại quốc để làm hàng tiêu thụ cao cấp ngoài mục đích thay thế hàng nhập khẩu (Import Substitution) và phát triển xuất khẩu (Export Promotion) còn có tác dụng đẩy lùi sự xâm lấn của hàng ngoại, nâng cao khả năng mà cả của VN và cải thiện nhanh chóng cân thương mại Việt Nam, chống nạn buôn lậu nhờ sản xuất giá rẻ tại nội địa (Sở dĩ nạn buôn lậu thịnh hành là vì giá xe Cúp tại ngoại quốc rẻ và nhân dân ta có nhu cầu lớn về xe Cúp. Nếu tại TP.HCM, tổ chức sản xuất hàng loạt xe Cúp vừa để tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, đương nhiên nạn buôn lậu xe Cúp được chấm dứt).

Năm 1991 sản lượng một số ngành nông sản được tăng giá mạnh, khi phối hợp với giá mua nông sản cao, nhằm vào việc biến chế thành hàng cao cấp có giá trị cao hơn nông sản thô, vừa có khả năng tồn trữ và xuất khẩu. Giá nông sản biến chế như apioca (tinh bột khoai mì), sữa tiệt trùng, gạo xay sát với máy xay Nhật, thịt tôm đông lạnh, nấm rơm biến chế xuất khẩu cao hơn giá nông sản thô rất nhiều, có khi gấp rưỡi, gấp hai hay ba lần. Khi nào chú ý đến vừa châu marketing (nghiên cứu thị trường, coi hàng nào giá cao bán chạy thì thu mua, biến chế), vừa khâu thu mua, biến chế, chống ép giá người nông dân, thì sản lượng nông sản tăng vọt ngay. Như vậy, khâu marketing, thu mua biến chế nông sản, chống ép giá nông dân mà thu mua với giá cao, được coi như là những động lực gây tác dụng phát triển, giá cao sẽ khuyến khích người nông dân ứng dụng khoa học kỹ thuật để tăng giá sản lượng. Năm 1991, chính sách trên đây đã tỏ ra có hiệu quả và nấm rơm, sữa nội, thuốc lá nội, bông vải, mía đường, điều v.v... đã phát triển mạnh. Dưới tác dụng hỗn hợp của việc thu mua ngoại tệ với giá cao và việc xuất khẩu gạo 1 triệu tấn, mặc dù rầy nâu, lũ lụt, ngành trồng lúa Việt Nam đã vươn lên những đỉnh cao mới. Nếu như năm 1992 không có biến chuyển thời tiết phức tạp và các giống chẳng rầy được nhân nhanh, chúng ta có khả năng xuất từ 2 tới 3 triệu tấn (Năm 1991 lạt ĐBSCL mất 300.000 tấn, mất mùa Đông Xuân miền Bắc hơn 1 triệu tấn, rầy nâu hàng nghìn trăm ngàn tấn. Nếu

không Việt Nam đã có khả năng xuất trên 2 triệu tấn gạo). Vậy cần tập trung nỗ lực cho thu mua, biến chế xuất khẩu, thì nông nghiệp sẽ tự có khả năng phát triển với giá thu mua cao.

2. Để yểm trợ những chương trình kinh tế trên đây, cần có những biện pháp điều khiển vĩ mô (macro) và vi mô (micro) thích hợp

Năm 1990 và 1991 chúng tôi rằng khi nhà nước cho đẩy mạnh việc chống nhập lậu thuốc lá, thì ngành trồng thuốc lá và làm thuốc điếu VN học phát ngay. Không những thế mà thuốc lá VN bước đầu đã xuất khẩu được ra nước ngoài. Vậy những điều kiện như giá nhân công rẻ, khí hậu nhiệt đới thích hợp cho việc trồng thuốc lá chỉ phát huy hiệu quả khi phối hợp với một chính sách vĩ mô cấm nhập khẩu thuốc lá.

Tương tự như trên, các ưu thế về diện, giá nhân công rẻ, than, quặng sắt tại Bắc và Trung VN là điều mà mọi người đều biết rõ. Nhưng chỉ từ 1991 khi chúng ta không còn được Liên Xô cung cấp thép, sắt với giá rẻ thì sản lượng sắt thép VN mới tăng 50%. Như vậy cần phối hợp các chương trình, kế hoạch đầu tư nêu trong đoạn (1) với những biện pháp điều khiển vĩ mô và vi mô thích hợp.

Biện pháp vĩ mô trong tay Việt Nam là tập trung ngoại tệ trong tay Ngân hàng, thu mua ngoại tệ và vàng với giá cao, (tăng nguồn cung ngoại tệ, có nhiều ngoại tệ để nhập máy, vật tư, mua bằng sáng chế), sử dụng đúng ngoại tệ (chỉ nhập những thứ hàng nào cần thiết mà thôi), đánh thuế cao trên hàng nhập; chính sách giảm biên chế khu vực nhà nước, tăng bằng ngân sách (tăng thu và giảm chi hành chính, quốc phòng) để có số dư ngân sách chuyển qua ngân sách Đầu tư và Phát triển. Hàng năm Nhà nước nên đầu tư với qui mô lớn, đầu tư này có thể được tài trợ từ nhiều nguồn (số dư ngân sách thường chi, số tiền vay nhân dân, ngoại quốc và ngân hàng, tiền viện trợ ngoại quốc).

Ngân hàng nếu cho sử dụng Séc, Thương phiếu và giao hoán Thương phiếu, Séc sẽ bù trừ nhanh được các số nợ giữa các xí nghiệp và thu hút được một số khá lớn tiền nhàn rỗi nhất thời của các xí nghiệp vào ngân hàng để chi thu bằng Séc và Thương phiếu. Từ đó ngân hàng có nguồn vốn ký thác hoạt kỳ của các xí nghiệp. Ngân hàng nhờ nguồn vốn này, (hầu như không phải trả lãi cho người gửi tiền ký thác hoạt kỳ), có thể cho các xí nghiệp vay với lãi suất thấp, nhưng vẫn có lợi nhuận ngân hàng cao. Kinh nghiệm hệ thống ngân hàng Nhật Bản, vừa sử dụng nguồn vốn hoạt kỳ rẻ tiền trên đây, phối hợp với những số tiền ứng trước của Ngân hàng Trung ương Nhật Bản, đã có khả năng vừa cung cấp vốn cho các xí nghiệp với mức lãi rẻ, vừa thực hiện được siêu lợi nhuận trong ngân hàng. Việc cấp vốn cho xí nghiệp với lãi suất thấp được coi là một trong những biện

pháp vĩ mô giúp cho các xí nghiệp có lợi nhuận cao.

Tóm lại các biện pháp vĩ mô có thể thi hành được là sử dụng tốt, đúng các nguồn ngoại tệ, thu mua ngoại tệ với giá cao, đánh thuế vào hàng nhập, tăng thu ngân sách và giảm chi hành chính, giảm biên chế song mạnh dạn tăng đầu tư ngân sách. Hạ lãi suất ngân hàng. Những biện pháp này cùng với việc chống triệt để việc buôn lậu, làm hàng giả sẽ tăng nhanh lợi nhuận của các xí nghiệp. Đồng thời nên có luật đầu tư dành cho người Việt Nam, để khơi dậy và nhân gấp bội đầu tư tư nhân trong nước.

Biện pháp điều khiển vi mô (micro) : Thành lập một trung tâm Bilan tại Ngân hàng và các xí nghiệp buộc phải cung cấp bilan hàng tháng, bản tài khoản lỗ lãi cho ngân hàng. Các xí nghiệp sẽ được xét dưới khía cạnh lợi nhuận. Xí nghiệp nào lỗ vốn, mất gần hết số vốn tự có sẽ được giải thể hay sáp nhập vào những xí nghiệp khác. Ngân hàng chỉ cấp vốn và Nhà nước cũng chỉ giao vốn cho các xí nghiệp làm ăn có lợi nhuận cao mà thôi.

Như vậy các xí nghiệp sẽ được phân biệt theo tiêu chuẩn lợi nhuận. Dĩ nhiên bên cạnh tiêu chuẩn lợi nhuận cũng có một số tiêu chuẩn khác, như xí nghiệp phân urê Hà Bắc, tuy mức lợi nhuận năm 1991 thấp (năm 1991 là năm đầu tiên xí nghiệp này có lãi) nhưng vì sản xuất một mặt hàng cực kỳ trọng yếu, nên vẫn được ưu tiên cấp vốn. Trong cùng một ngành, như ngành Điện tử, năm 1991, một số xí nghiệp kinh doanh có lãi được Nhà nước giao vốn thêm. Như vậy, lợi nhuận cao hay thấp là một trong những tiêu chuẩn để xét việc cấp vốn, cho vay và đầu tư mở rộng xí nghiệp.

Biện pháp điều khiển vi mô trên đây phối hợp với việc giải thể, tuyên bố phá sản các xí nghiệp không có khả năng thanh toán các món nợ dài hạn sẽ loại dần những xí nghiệp kém hiệu quả và qua tuyển lựa sàng lọc, sẽ còn lại và thành hình một tập đoàn xí nghiệp và những ban giám đốc xí nghiệp làm ăn có hiệu quả. Nhờ vậy, khả năng quản trị của các xí nghiệp sẽ tốt hơn.

KẾT LUẬN

Như vậy, cần phải có những chương trình sản xuất ăn khớp với mục tiêu cất cánh của nền kinh tế VN cùng một chương trình điều khiển vĩ mô và vi mô thích hợp. Để tập hợp vừa kế hoạch kinh tế, vừa các nguồn vốn, vừa chính sách tài chính thuế khoá, cần có một "Siêu Bộ" do Chủ tịch HĐBT trực tiếp điều khiển, có một văn phòng cố vấn gồm các nhà kinh tế và tài chính giỏi nhất trong nước, như gương Gosplan của Liên Xô, Miti của Nhật Bản hay Cục kế hoạch của Nam Triều Tiên. Những việc trên đây sẽ tạo bước ngoặt cho năm 1992 tiếp theo các yếu tố mới đã xuất hiện trong năm 1991; trong số các yếu tố này đáng chú trọng là sự phát triển công nghiệp nặng VN.